TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2023
V/v: *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: Nguyễn Ánh Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
2. Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Nam – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/8/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-DS ngày 11/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023 (Ấn định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V)

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT VP Bank (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý, ông Nguyễn Phúc T, Trưởng bộ phận xử lý nợ ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Tiến T, chuyên viên cử lý nợ – Ngân hàng TMCP V (Theo các văn bản ủy quyền số: 632/2023/UQ- LCC –KHCNMB 1, ngày 11/4/2023 và số: 1365/2023/UQ- LCC –KHCNMB 1, ngày 12/6/2023 (Ông A và ông T vắng mặt, ông T và ông T có mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 11/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/7/2021, Ngân hàng TMCP V (V)– Chi nhánh T (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) và anh Nguyễn Văn D (Sau đây gọi tắt là anh D) đã ký Hợp đồng cho vay số LN2106283935797 ngày 01/7/2021 (Sau đây gọi tắt là HĐTD), theo đó anh D có vay của Ngân hàng số tiền vay là: 735,000,000 đồng, thời hạn vay: Thời hạn 96 tháng, kể từ ngày giải ngân 06/7/2021 đến ngày 06/7/2029, mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô MITSUBISHI mới 100%, lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 6,8% năm *(lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày)*. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng, kể từ ngày 05/07/2022. Hết thời hạn 12 tháng, Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 05/07/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/10/2022. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,6%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Số tiền gốc Hợp đồng cho vay anh D đã trả là 0 đồng.

Ngày 01/7/2021 , giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Văn D ký Hợp đồng thẻ tín dụng 376-P-8640798 Hạn mức: 36.750.000 đồng. Thời hạn: 60 tháng, từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/7/2026, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 3,49%/tháng và thay đổi theo quy định của VP Bank qua từng thời kỳ, mục đích: phục vụ nhu cầu đời sống. Số tiền gốc Hợp đồng thẻ tín dụng do anh D đã trả là 105.528 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của anh Nguyễn Văn D. Chi tiết hợp đồng thế chấp số: LN2106283935797 ngày 01/07/2021 giữa V Bank với anh Nguyễn Văn D. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, anh Nguyễn Văn D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/11/2021 đối với Hợp đồng cho vay, vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/8/2021 đối với Hợp đồng thẻ tín dụng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 09/8/2023 anh

Nguyễn Văn D còn nợ V Bank tổng số tiền là: Nợ gốc Hợp đồng cho vay: 735.000.000 đồng, nợ lãi, phạt chậm trả lãi trong hạn: 253.890.876 đồng. Nợ gốc thẻ tín dụng: 36.644.472 đồng, nợ lãi thẻ tín dụng: 33.109.991 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu anh D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V) tổng cộng cả gốc và lãi tiền vay đến ngày 09/8/2023 là: 1.058.645.339 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế anh Nguyễn Văn D thanh toán hết nợ cho V Bank.

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: V Bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Văn D.

** Bị đơn Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn D không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Nguyễn Văn D là bị đơn.*

* Tại Biên bản xác minh ngày 14/6/2023, ông Lê Văn Thìn –Trưởng Công an thị trấn Cao Thượng cung cấp: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1996, hiện đang đăng ký hộ khẩu, cư trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

* Tại Biên bản làm việc ngày 04/7/2023, chị Nguyễn Thị Thu H (mẹ đẻ anh Nguyễn Văn D) cung cấp: Con chị là Nguyễn Văn D, sinh năm 1996, Cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B và đang ở cùng chị. Cháu D vẫn đăng ký cư trú tại địa chỉ Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. Cháu D không thay đổi nơi cư trú. Cháu D vẫn về nhà tại địa chỉ thôn Đồng Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang và liên lạc với chị nhưng do công việc bận nên không đến Tòa án làm việc được. Cháu D đã nhận được đầy đủ được Thông báo thụ lý, các giấy triệu tập, Quyết định cung cấp chứng cứ và văn bản tố tụng khác.

Chị được Ngân hàng thông báo về việc Hợp đồng cho vay số LN2106283935797 ngày 01/7/2021, Hợp đồng thẻ tín dụng 376-P-8640798 ngày 10/07/202101, Hợp đồng thế chấp số LN2106283935797 ngày 01/07/2021 giữa V Bank với Nguyễn Văn D xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 98C-249.34 mang tên Nguyễn Văn D. Nay Ngân hàng đòi nợ Cháu D tổng cộng: 964.495.366 đồng thì do Cháu D khó khăn kinh tế nên Cháu D sẽ trả nợ dần.

Toà án đã tiến hành cho các đương sự hoà giải nhiều lần nhưng không được và các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Các đương sự đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, các đương sự giữ nguyên ý kiến và các đương sự không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng: Khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 295, Điều 299, Điều 463, Điều 470 BLDS; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V , buộc anh Nguyễn Văn D trả tổng số tiền là: 1.058.645.339 đồng (Trong đó: 735.000.000 đồng gốc của Hợp đồng cho vay, tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phạt chậm trả lãi trong hạn 253.890.876 đồng; nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng 36.644.472 đồng, nợ lãi của Hợp đồng thẻ tín dụng 33.109.991đồng). Nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, mang tên chủ xe là anh Nguyễn Văn D. Tài sản bảo đảm này đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN 2106283935797 ngày 01/7/2021.

Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 09/8/2023 cho đến khi anh D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng đã ký kết.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo các Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thẻ tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký kết trên thì anh Nguyễn Văn D, có nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. Nên HĐXX căn cứ địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để giải quyết.

Tòa án đã ra các quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng ngoài những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì các đương sự khác không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác nên phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:** Ngày 18/4/2023 phía nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp. TAND huyện Tân Yên căn cứ khoản

3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của BLTTDS để giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] **Về thời hiệu khởi kiện:** Theo Hợp đồng cho vay số LN2106283935797 ngày 01/7/2021 được ký kết giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Văn D (sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho vay). Thời hạn vay: 96 tháng, kể từ ngày giải ngân 06/7/2021 đến ngày 06/7/2029 theo mục 2, điểm b mục 5 Điều 2 Hợp đồng cho vay. Đến ngày 15/11/2021 vi phạm nghĩa vụ do không trả tiền gốc và lãi như cam kết (Theo điểm a điểm b mục 6 Điều 2 Hợp đồng cho vay); Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, ngày 01/7/2021 được ký kết giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Văn D (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thẻ tín dụng). Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày giải ngân 10/7/2021 đến ngày 10/7/2026. Đến ngày 11/8/2021 vi phạm nghĩa vụ do không trả tiền gốc và lãi như cam kết (Theo điểm a mục 7 phần VI Hợp đồng thẻ tín dụng).

Như vậy, anh Nguyễn Văn D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng vay nợ, hợp đồng thẻ tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên với VP Bank nên Ngân hàng có quyền đòi nợ trước hạn như hai bên đã thỏa thuận tại điểm c điểm d mục 8 Điều 2 Hợp đồng cho vay và điểm a mục 7 phần VI Hợp đồng thẻ tín dụng. Các khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn như phần ngân hàng trình bày là đúng. Ngày 04/5/2023 Tòa án thụ lý nên việc khởi kiện của phía nguyên đơn là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn D trả tổng số tiền 1.058.645.339 đồng, trong đó: Nợ gốc: 735.000.000 đồng; Nợ lãi, phạt chậm trả lãi trong hạn: 253.890.867đồng; Nợ gốc thẻ tín dụng: 36.644.472đồng, nợ lãi thẻ tín dụng: 33.109.991 đồng tính đến ngày 09/8/2023 thấy:

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là: Hợp đồng cho vay số LN2106283935797 ngày 01/7/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, ngày 01/7/2021, đều được ký kết giữa đại diện Ngân hàng TMCP V với anh Nguyễn Văn D là người vay. Căn cứ vào các hợp đồng đã xác lập này giữa các bên thì thấy đây là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn, có lãi. Các Hợp đồng tín dụng trên đã được giải ngân với tổng số tiền gốc là 771.750.000 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ Hợp đồng cho vay số LN2106283935797 ngày 01/7/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, ngày 01/7/2021 đều do anh Nguyễn Văn D thực hiện ký kết với đại diện Ngân hàng TMCP V và anh D vay với tổng số tiền gốc vay là

771.750.000 đồng. Số tiền gốc do anh D đã trả là 0 đồng đối với Hợp đồng cho vay. Số tiền gốc Hợp đồng thẻ tín dụng anh D đã trả là 105.528 đồng.

Nên có căn cứ xác định đến ngày 09/8/2023 anh D còn nợ: Số tiền gốc của Hợp đồng cho vay là 735.000.000 đồng và anh D nợ tiền gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng là 36.644.472 đồng. Nên cần buộc anh Nguyễn Văn D trả tổng số tiền nợ gốc này cho ngân hàng là 771.644.472 đồng.

Về lãi suất và phạt chậm trả lãi trong hạn: Theo Hợp đồng cho vay số LN2106283935797 ngày 01/7/2021: Số tiền giải ngân 735.000.000đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô MITSUBISHI mới 100%;. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 6,8% năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng, kể từ ngày 05/07/2022. Hết thời hạn 12 tháng, Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 05/07/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/10/2022. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,6%/năm. Thời hạn vay 96 tháng, kể từ ngày giải ngân 06/7/2021 đến ngày 06/7/2029. Đến ngày 15/11/2021 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, ngày 01/7/2021: Số tiền giải ngân 36.750.000đồng. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 3,49%/tháng và thay đổi theo quy định của VP Bank qua từng thời kỳ. Mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống. Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày giải ngân 10/7/2021 đến ngày 10/7/2026. Đến ngày 11/8/2021 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi. Đến nay anh Nguyễn Văn D chưa trả lãi đồng nào. Tổng số tiền nợ lãi và tiền phí phạt chưa trả theo thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng cho vay, Điều 7 Hợp đồng thẻ tín dụng của 02 khoản vay này tính đến ngày 09/8/2023 là: 287.000.867 đồng (Trong đó: Tổng số tiền lãi 232.422.103 đồng của Hợp đồng cho vay, phạt chậm trả lãi trong hạn của Hợp đồng cho vay 21.468.774 đồng (theo khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC); nợ lãi của hợp đồng thẻ tín dụng 33.109.991đồng.

Đến hạn trả nợ anh Nguyễn Văn D trả tiền gốc Hợp đồng thẻ tín dụng là 105.528 đồng. Còn lại anh Nguyễn Văn D không trả nợ gốc, tiền lãi đến hạn và tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi trong hạn theo thỏa thuận của 02 khoản vay được ký kết giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Văn D theo Hợp đồng cho vay số LN2106283935797 ngày 01/7/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, ngày 01/7/2021. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát cần buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ thanh toán trả nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi số tiền nợ gốc, phạt chậm trả lãi trong hạn của 02 khoản vay trên tính đến ngày 09/8/2023 là: 1.058.645.339 đồng (Trong đó: 735.000.000đồng

gốc của hợp đồng cho vay, tổng số tiền lãi, phạt chậm trả lãi trong hạn của Hợp đồng cho vay 253.890.876 đồng, nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng 36.644.472 đồng, nợ lãi của hợp đồng thẻ tín dụng 33.109.991đồng).

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về *"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Văn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này... cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V ".*

[5] Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo vay vốn có nội dung và hình thức phù hợp pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật gồm:

- 01 xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, mang tên chủ xe là anh Nguyễn Văn D.

Bên nhận thế chấp chấp nhận tài sản thế chấp để đảm bảo cho số tiền vay của anh Nguyễn Văn D vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V Banhk) với tổng số tiền là 1.058.645.339 đồng (Trong đó: 735.000.000đồng gốc hợp đồng cho vay, tổng số tiền lãi, phạt chậm trả lãi trong hạn của hợp đồng cho vay 253.890.876 đồng, nợ gốc thẻ tín dụng 36.644.472 đồng, nợ lãi thẻ tín dụng 33.109.991 đồng).

Tài sản thế chấp anh Nguyễn Văn D thế chấp để đảm bảo vay vốn được xử lý theo Hợp đồng thế chấp mà anh Nguyễn Văn D đã ký kết với ngân hàng. Theo quy định tại Điều 299 BLDS thì khi anh Nguyễn Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V mà anh Nguyễn Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì: anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ dùng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN 2106283935797 ngày 01/7/2021, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, mang tên chủ xe là anh Nguyễn Văn D để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 1.058.645.339 đồng (Trong đó: 735.000.000đồng gốc của Hợp đồng cho vay, tổng số tiền lãi, phạt chậm trả lãi trong hạn của Hợp đồng cho vay 253.890.876 đồng; nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng 36.644.472 đồng, nợ lãi của Hợp đồng thẻ tín dụng 33.109.991đồng) và việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 304 và Điều 307 BLDS.

[7] Ngân hàng TMCP V có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn D giấy tờ về xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, mang tên chủ xe là anh Nguyễn Văn D khi anh D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V .

Đối với khoản tiền gốc, lãi mà các đương sự khai đã thanh toán, nay các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 43.759.360 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 304, Điều 307 Điều 429 của BLDS; Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 03 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của BLTTDS; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17/10/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP V với tổng số tiền là: 1.058.645.339 đồng (Trong đó: 735.000.000đồng gốc của Hợp đồng cho vay, tổng số tiền lãi, phạt chậm trả lãi trong hạn của Hợp đồng cho vay 253.890.876 đồng; nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng 36.644.472 đồng, nợ lãi của Hợp đồng thẻ tín dụng 33.109.991 đồng).

Tài sản thế chấp anh Nguyễn Văn D thế chấp để đảm bảo vay vốn được xử lý theo Hợp đồng thế chấp mà anh Nguyễn Văn D đã ký kết với ngân hàng. Theo quy định tại Điều 299 BLDS thì khi anh Nguyễn Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V mà anh Nguyễn Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì: anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ dùng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN 2106283935797 ngày 01/7/2021, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, mang tên chủ xe là anh Nguyễn Văn D để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 1.058.645.339 đồng (Trong đó: 735.000.000đồng gốc của Hợp đồng cho vay, tổng số tiền lãi, phạt chậm trả lãi trong hạn của Hợp đồng cho vay 253.890.876 đồng; nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng 36.644.472 đồng, nợ lãi của Hợp đồng thẻ tín dụng 33.109.991đồng) và việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 304 và Điều 307 BLDS.

Ngân hàng TMCP V có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn D giấy tờ về xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI Triton, số khung MMBJLKK10NH012513, số máy 4N15UHJ4627; biển kiểm soát số 98C-249.34 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/07/2021, mang tên chủ xe là anh Nguyễn Văn D khi anh D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Văn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V cho vay thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V .

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 43.759.360 đồng án phí DSST.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 20.460.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0004840 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương